

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 – NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 238/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 23 - 6 - 2026
V/v: Ly hôn, nuôi con chung giữa chị Anh
và anh Hiệp

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – NINH BÌNH, TỈNH NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Bang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Xuân Thu;

Ông Nguyễn Tiến Tài.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tùng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 10 – Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Bà Phan Thị Xuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 – Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1129/2026/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2026, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/5/2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Tăng Kỳ A**, sinh năm 2001; cư trú tại: **Xóm M, xã G, tỉnh Ninh Bình**; vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh **Phạm Văn H**, sinh 1996; cư trú tại: **Xóm M, xã G, tỉnh Ninh Bình**; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Tăng Kỳ A** trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Phạm Văn H** tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, đã được **UBND xã G, huyện G, tỉnh Nam Định nay là xã G, tỉnh Ninh Bình** cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/11/2020. Khoảng một năm trở lại đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình, lối sống không hòa hợp; anh **H** hay chửi bới vô cớ càng làm mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng. Nay chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không có cách giải quyết nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh **Phạm Văn H**.

Về con chung: Chị anh **Phạm Văn H** có 02 con chung là **Phạm Hoàng L**, sinh ngày 08/4/2021 và **Phạm Tuấn K**, sinh ngày 09/12/2022. Khi ly hôn chị nhận nuôi cháu **K** và nhường quyền nuôi cháu **L** cho anh **H**. Hai bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh **Phạm Văn H** trình bày:*

Anh nhất trí với lời trình bày của chị **Tăng Kỳ A** về việc kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng. Đến khoảng tháng 2 năm 2026 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do xảy ra cãi vã; chị **Tăng Kỳ A** có bỏ đi từ hôm đó đến nay, anh có nhiều lần gọi nhưng chị **Tăng Kỳ A** không về. Nay chị **Tăng A** làm đơn xin ly hôn anh thì anh không đồng ý ly hôn và mong muốn hòa giải đoàn tụ; anh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức phải ly hôn.

Về con chung: Anh và chị **Tăng Kỳ A** có 02 con chung là **Phạm Hoàng L**, sinh ngày 08/4/2021 và **Phạm Tuấn K**, sinh ngày 09/12/2022. Khi ly hôn anh muốn nhận nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu chị **A** cấp dưỡng nuôi con chung vì anh không muốn tách rời hai cháu.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Kết quả thu thập tài liệu chứng cứ tại **UBND xã G** xác định:* Chị **Tăng Kỳ A** và anh **Phạm Văn H** được **UBND xã G**, huyện **G**, tỉnh **Nam Định** (nay là xã **G**, tỉnh **Ninh Bình**) cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/11/2020. Về mâu thuẫn giữa anh **H** và chị **A** như thế nào thì địa phương không nắm được vì cũng chưa có lần nào đề nghị hòa giải tại cơ sở, cũng như chưa có đơn từ gì để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng. Nay chị **A** làm đơn xin ly hôn anh **H** thì đề nghị Tòa án căn cứ vào thực trạng hôn nhân như các đương sự trình bày, cũng như các quy định của pháp luật để giải quyết.

Chị **Tăng Kỳ A** và anh **Phạm Văn V** có 02 con chung là **Phạm Hoàng L**, sinh ngày 08/4/2021 và **Phạm Tuấn K**, sinh ngày 09/12/2022. Để đảm bảo quyền làm cha, mẹ thì đề nghị Tòa án giao cho anh **H** và chị **A** mỗi người nuôi một con chung là phù hợp.

Các đương sự không đề nghị giải quyết về tài sản nên không xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành theo quy định của pháp luật.

Nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn

nhân và gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử lý hôn giữa chị **Tăng Kỳ A** và anh **Phạm Văn H**.

Về con chung: Giao con chung **Phạm Hoàng L**, sinh ngày 08/4/2021 cho anh **Phạm Văn H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao con chung **Phạm Tuấn K**, sinh ngày 09/12/2022 cho chị **Tăng Kỳ A** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị **A**, anh **H** không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nguyên đơn và bị đơn để tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị **Tăng Kỳ A** có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh **Phạm Văn H**. Xét thấy tranh chấp giữa chị **A** và anh **H** là tranh chấp về hôn nhân gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh **Phạm Văn H** cư trú tại **xóm M, xã G, tỉnh Ninh Bình**. Căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Ninh Bình.

Nguyên đơn, chị **Tăng Kỳ A** và bị đơn, anh **Phạm Văn H** có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Tăng Kỳ A** và anh **Phạm Văn H** có quan hệ hôn nhân hợp pháp, đăng ký kết hôn ngày 03/11/2020 tại **UBND xã G, huyện G, tỉnh Nam Định nay là xã G, tỉnh Ninh Bình**. Nguyên nhân vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tính tình, lối sống không hòa hợp, vợ chồng xảy ra cãi vã. Nay chị **Tăng Kỳ A** làm đơn xin ly hôn anh **H**, anh **H** muốn vợ chồng đoàn tụ.

Xét thấy, cuộc sống vợ chồng giữa chị **A** và anh **H** đã xảy ra mâu thuẫn từ mấy năm nay nhưng vợ chồng không tìm được giải pháp để hàn gắn hạnh phúc. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để các đương sự có cơ hội để đoàn tụ nhưng không có kết quả. Nhận thấy mâu thuẫn giữa chị **A** và anh **H** đã trầm trọng, không có cách giải quyết nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị **Tăng Kỳ A** và anh **Phạm Văn H** là phù hợp với thực trạng hôn nhân và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc nuôi con chung: Chị **Tăng Kỳ A** và anh **Phạm Văn H** có 02 con chung chưa thành niên là **Phạm Hoàng L**, sinh ngày 08/4/2021 và **Phạm Tuấn K**, sinh ngày 09/12/2022. Khi ly hôn chị **A** nhận nuôi cháu **K**, nhường quyền nuôi cháu **L** cho anh **H**; **H** có nguyện vọng xin nhận trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu chị **A** cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Chị **Tăng Kỳ A** và anh **Phạm Văn H** đều có nguyện vọng nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo quyền của cha, mẹ đối với con cái Hội đồng xét xử sẽ giao cho mỗi người nuôi 01 con, giao cháu **L** cho anh **H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu **K** cho chị **A** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị **A** và anh **H** không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không do mình trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn mà không ai được cản trở, là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản: Chị **Tăng Kỳ A** và anh **Phạm Văn H** không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên không xem xét là phù hợp.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý cho ly hôn giữa chị **Tăng Kỳ A** và anh **Phạm Văn H**.

2. Về con chung:

- Giao con chung chưa thành niên **Phạm Hoàng L**, sinh ngày 08/4/2021; giới tính: Nam cho anh **Phạm Văn H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục;

- Giao con chung **Phạm Tuấn K**, sinh ngày 09/12/2022; giới tính: Nam cho chị **Tăng Kỳ A** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị **Tăng Kỳ A** và anh **Phạm Văn H** đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà

không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về cấp dưỡng: Chị **Tăng Kỳ A** và anh **Phạm Văn H** không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

3. Về án phí: Chị **Tăng Kỳ A** phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 2978 ngày 13 tháng 4 năm 2026 của Thi hành **án dân sự tỉnh N**; chị **A** đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo: Chị **Tăng Kỳ A** và anh **Phạm Văn H** có quyền kháng cáo bản án là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự/.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì chị **Tăng Kỳ A** và anh **Phạm Văn H** có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND KV 10 - Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Giao Hưng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T. M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Bang